

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020

Ngày 4/7/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 2022/STNMT-CCBVMT về việc báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, như sau:

I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện (thông tin tổng hợp từ năm 2010 đến nay)

1. Công tác chỉ đạo, điều hành huyện đối với các xã trong xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

Hàng năm, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, cụ thể: Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 04/3/2010 của UBND huyện về quản lý và bảo vệ môi trường năm 2010 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện về quản lý và bảo vệ môi trường năm 2014 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 21/01/2015 của UBND huyện về quản lý và bảo vệ môi trường năm 2015 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/5/2015 của UBND huyện về bảo vệ môi trường và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2016 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 14/6/2016 của UBND huyện về bảo vệ môi trường và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2017 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 15/6/2017 của UBND huyện về bảo vệ môi trường và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2018 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 23/KH-TNMT ngày 25/01/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường năm 2017 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 17/11/2017 của UBND huyện về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 14/6/2018 của UBND huyện về bảo vệ môi trường và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2019 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện về bảo vệ môi trường và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

2. Cơ chế, chính sách hiện có của huyện hỗ trợ các xã thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm. Chưa có cơ chế.

3. Phân công trách nhiệm, vai trò của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện từng nội dung cụ thể của từng tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

Quyết định số 133/UBND-VP ngày 17/5/2019 của UBND huyện về việc phân công nhiệm vụ thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới và phân công nhiệm vụ phụ trách, giúp đỡ xã trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho các phòng ban huyện, các cơ quan, đơn vị đứng chân trên địa bàn huyện;

4. Công tác thông tin, truyền thông, hướng dẫn về tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã, huyện nông thôn mới. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã tổ chức hướng dẫn cho các xã thực hiện các tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm. Ban hành các văn bản hướng dẫn sau:

- Văn bản số 301/CV-TNMT ngày 03/10/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện 05 chỉ tiêu thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trên địa bàn các xã;

- Văn bản số 151/CV-TNMT ngày 19/4/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn, đôn đốc thực hiện một số nội dung thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm;

- Văn bản số 284/TNMT ngày 17/7/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn mẫu nội dung Hương ước bảo vệ môi trường áp dụng cho các thôn, làng trên địa bàn các xã;

II. Đánh giá về kết quả thực hiện các nội dung của tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã nông thôn mới

1. Đặc thù cơ bản của các xã trong thực hiện tiêu chí môi trường

- Xã Pờ Tó: Xã Pờ Tó nằm phía Đông Bắc của huyện Ia Pa, có diện tích đất tự nhiên 13.334,4 ha: trong đó đất nông nghiệp 6.484,6 ha, đất lâm nghiệp 6.520,4 ha, đất phi nông nghiệp 305,5 ha, đất chưa sử dụng 24 ha. Tổng số hộ toàn xã 1.324 hộ, với 7.039 người. Sự đa dạng về địa hình, đất đai, tài nguyên rừng không chỉ lợi thế về mặt sản xuất nông nghiệp mà còn phát triển về du lịch, công nghiệp, lâm nghiệp và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp tuy lớn nhưng bị chia cắt bởi hợp thủy các suối cạn, độ dốc lớn khó bố trí sản xuất, không chủ động nước tưới tiêu cho cây trồng. tác động chủ quan trong hoạt động sản xuất và đời sống của con người đã biến đổi những cảnh quan môi trường thiên nhiên.

- Xã Ia Tul: Xã Ia Tul nằm phía đông huyện Ia Pa, được nối liền với các xã xung quanh bởi trục đường liên xã (đường bết mông). Có diện tích tự nhiên toàn xã là 26.742,27 ha: trong đó 24.767,89 ha, đất phi nông nghiệp 216,94 ha, đất chưa sử dụng 1.757,42 ha. Dân số toàn xã 686 hộ, dân số là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 94%. Với những đặc điểm điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho xã phát triển trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội - văn hóa. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ

nghèo cao, trình độ dân trí thấp, phát triển kinh tế dựa vào nông nghiệp là chính, chăn nuôi theo kiểu truyền thống, đời sống của người dân chưa cao, thu nhập thấp.

- Xã Ia Trôk: Xã Ia Trôk nằm phía nam huyện Ia Pa, nằm trên trục đường tỉnh lộ 662. Có diện tích đất tự nhiên 2.247,63 ha: trong đó đất sản xuất nông nghiệp 1.829,66 ha, đất phi nông nghiệp 417,29 ha, đất chuyên dùng 79,41 ha, đất chưa sử dụng 0,68 ha. Dân số toàn xã có 2.113 hộ. Ia Trôk là xã có vị trí quan trọng trong giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội với các địa phương, đất đai màu mỡ, chất đất tốt có thể phát triển nhiều chủng loại cây trồng, có nguồn tài nguyên khá dồi dào, nền kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người hàng năm luôn tăng cao. Tuy nhiên, do hệ thống sông suối lớn ảnh hưởng đến quá trình canh tác nông nghiệp và sinh hoạt của người dân, cảnh quan môi trường sống có nhiều tác động xấu bởi quá trình phát triển, khí hậu khắc nghiệt...

- Xã Ia Broãi: Xã Ia Broãi nằm về phía đông nam huyện Ia Pa, nằm trong thung lũng Ayunpa có sông Ba chảy qua nên Xã Ia Broãi có địa hình bằng phẳng. Có tổng diện tích đất tự nhiên là 2.711,74 ha: trong đó đất nông nghiệp 2.373,54 ha, đất phi nông nghiệp 298,22 ha, đất chưa sử dụng 39,98 ha. Tổng số hộ toàn xã 844 hộ, người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 98%. Xã Ia Broãi có vị thế quan trọng trong giao lưu kinh tế, xã hội, văn hóa với các địa phương khác, là vị trí cửa ngõ phía tây của thị xã Ayun Pa trong việc vận chuyển giao thương với các địa phương khác, có đất đai màu mỡ, phát triển nhiều loại cây trồng. Tuy nhiên là một xã thuần nông, cơ cấu kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, nên vấn đề cảnh quan môi trường được quan tâm chủ yếu vẫn là hiện tượng xói mòn rửa trôi chất dinh dưỡng của đất trong quá trình canh tác. Là vùng đặc biệt khó khăn, đời sống nhân dân còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập của người dân còn thấp, chăn nuôi còn lạc hậu.

- Xã Chư Mố: Xã Chư Mố nằm phía Đông nam của huyện Ia Pa, có diện tích đất tự nhiên 17.894,46 ha: trong đó đất nông nghiệp 16.189,36 ha, đất phi nông nghiệp 308,04 ha, đất chưa sử dụng 1.397,06 ha. Tổng số hộ toàn xã 1.371 hộ, người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 98%. Xã có đường liên xã đi qua, tạo điều kiện cho việc giao lưu buôn bán với các xã khác, chất đất màu mỡ, phát triển được nhiều loại cây, các nguồn tài nguyên khá dồi dào, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng. Tuy nhiên, xã thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp, điếm xuất phát thấp, tiềm lực kinh tế chưa thực sự vững mạnh, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập của người dân còn thấp.

- Xã Ia Kdăm: Xã Ia Kdăm nằm về phía Đông nam huyện Ia Pa, có diện tích tự nhiên là 11.402,68 ha: trong đó diện tích đất nông nghiệp là 10.786,61 ha, đất phi nông nghiệp là 403,06 ha, diện tích đất chưa sử dụng là 212,69 ha. Toàn xã có 858 hộ với 3.913 khẩu. Xã có đường liên xã đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán và tiếp cận thị trường, xã có nguồn đất đai màu mỡ, diện tích rộng, chất đất tốt phù hợp với phát triển nhiều loại cây trồng. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhận thức của người dân còn hạn chế nên việc tiếp cận khoa

học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, thu nhập của người dân thấp, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

- Xã Ia Mron: Xã Ia Mron nằm về phía Nam huyện Ia Pa, cách khu quy hoạch Trung tâm thị trấn huyện Ia Pa khoảng 3km, có diện tích đất tự nhiên là 3.185,93 ha; trong đó diện tích đất nông nghiệp 2.794,76 ha, đất phi nông nghiệp 380,05 ha, đất chưa sử dụng 11,12 ha. Toàn xã có 2.683 hộ với 12.190 nhân khẩu. Với những đặc điểm trên đã tạo điều kiện cho xã phát triển tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội, tuy nhiên với tỷ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí thấp dẫn đến trình độ tiếp cận khoa học kỹ thuật còn hạn chế, dẫn đến thu nhập của người dân còn thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

- Xã Chư Răng: Xã Chư Răng nằm trên trục đường tỉnh lộ 662, về phía Tây Bắc của huyện Ia Pa, có diện tích đất tự nhiên 4.390,24 ha: trong đó diện tích đất nông nghiệp 3.821,22 ha, đất phi nông nghiệp 162,9 ha, đất chưa sử dụng 0 ha. Toàn xã có 986 hộ với 4.548 khẩu.

- Xã Kim Tân: Kim Tân nằm về phía Đông Bắc của huyện Ia Pa, các trung tâm của huyện khoảng 3 km, được nối liền với các xã xung quanh và trung tâm huyện bởi trục đường tỉnh lộ 662, có tổng diện tích đất tự nhiên 4.885,08 ha; trong đó đất nông nghiệp 4.311,34 ha, đất phi nông nghiệp 482,61 ha, đất chưa sử dụng 91,14 ha. Toàn xã có 1.290 hộ với 5.535 nhân khẩu.

2. Xuất phát điểm của Tiêu chí môi trường (đánh giá chung) từng giai đoạn 2010, liệt kê cụ thể theo từng chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh: 0/9 xã đạt.
- Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất- kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường: 0/9 xã đạt.
- Chỉ tiêu 17.3: Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh sạch đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường: 0/9 xã đạt.
- Chỉ tiêu 17.4: Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch: 0/9 xã đạt.
- Chỉ tiêu 17.5: Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định: 0/9 xã đạt.

3. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Tiêu chí về môi trường đến năm 2015, thống kê rõ theo từng chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh: 74,38% , có 2/9 xã đạt (Kim Tân, Pờ Tó).
- Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường: Có 1/9 xã đạt (xã Kim Tân).
- Chỉ tiêu 17.3: Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh – sạch đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường: Có 1/9 xã đạt (xã Pờ Tó).
- Chỉ tiêu 17.4: Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch: Chưa có xã nào đạt.

- Chỉ tiêu 17.5: Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định: 1/9 xã đạt (xã Kim Tân).

Qua 05 năm triển khai thực hiện, có 01/9 xã (Kim Tân) đạt tiêu chí số 17 về môi trường.

4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm đến tháng 6/2019, thống kê rõ theo từng chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định:

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh tỷ lệ số hộ dân cư sử dụng nước tự khai thác và các biện pháp lọc nước; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước đóng chai trên địa bàn huyện 48.802/57.464 người (84,9%), có 02/9 xã đạt chỉ tiêu (Ia Broãi, Ia Tul).

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: 6.462/57.464 người (11,24%). Có 1/9 xã đạt chỉ tiêu (xã Ia Tul).

- *Chỉ tiêu 17.2: tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định (chưa có xã nào đạt chỉ tiêu)*

Trên địa bàn huyện có 684 cơ sở xuất kinh doanh nhỏ lẻ trong đó có 81/684 cơ sở sản xuất kinh doanh được UBND huyện/tỉnh cấp giấy xác nhận về thủ tục môi trường, 603/684 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã.

- *Chỉ tiêu 17.3: Xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, an toàn (2/9 xã đạt chỉ tiêu)*

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã tuyên truyền, vận động các hộ dân phát quang bụi rậm quanh khu vực ở và các tuyến đường nội thôn, chỉnh trang hàng rào công ngõ. Tổ chức trồng cây xanh khu vực xung quanh các công trình phúc lợi thôn, xã. Về cơ bản đường làng ngõ xóm đã được cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa.

Tuy nhiên, huyện Ia Pa với đặc thù hơn 70% dân số là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn thấp, chăn nuôi gia súc còn tình trạng nuôi nhốt dưới gầm sàn nhà, gây mất mỹ quan và gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

- *Chỉ tiêu 17.4: Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.*

Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quy hoạch các nghĩa trang trên địa bàn huyện. Chỉ đạo các ban ngành đoàn thể tuyên truyền vận động người dân thực hiện việc chôn cất, mai táng phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại, hủy bỏ các hủ tục lạc hậu như chôn nhiều người trong cùng mộ.....

Hiện nay, đã thực hiện quy hoạch cụ thể các nghĩa trang trên địa bàn huyện. Tuy nhiên các xã còn chưa thực hiện việc cắm mốc giới nghĩa trang và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang.

- *Chỉ tiêu 17.5: Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu vực dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý rác theo quy định (chưa có xã nào đạt chỉ tiêu)*

Trên địa bàn huyện có 5/9 xã có phương án thu gom chất thải rắn sinh hoạt và có các đội thu gom rác thải, tuy nhiên hiệu quả thu gom chưa cao, hầu hết các hộ tự thu gom và chôn đốt trong vườn hộ.

Chưa có xã nào có phương án thu gom chất thải từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, chưa xây dựng các bể tập kết chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

Bên cạnh đó còn có tình trạng một số hộ dân chưa có ý thức vứt rác thải ra các khu vực công cộng.

- *Chỉ tiêu số 17.6: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo ba sạch (chưa có xã nào đạt chỉ tiêu)*

Hiện nay trên địa bàn huyện, tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo ba sạch là 3.644/12.433 đạt 28,84%. Cụ thể:

- + Xã Pờ Tó có 587/1530 hộ đảm bảo, đạt 38,36%;
- + Xã Chư Răng có 186/1047 hộ đảm bảo, đạt 17,67%;
- + Xã Kim Tân có 248/1246 hộ đảm bảo, đạt 19,7%;
- + Xã Ia Mron có 602/2721 hộ đảm bảo, đạt 22,1%;
- + Xã Ia Trôk có 940/2096 hộ đảm bảo, đạt 44,84%;
- + Xã Ia Broãi có 48/839 hộ đảm bảo, đạt 5,7%;
- + Xã Ia Tul có 409/686 hộ đảm bảo, đạt 59,62%;
- + Xã Chư Mố có 518/1392 hộ đảm bảo, đạt 37,2%;
- + Xã Ia Kdăm có 106/876 hộ đảm bảo, đạt 12%.

- *Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (chưa có xã nào đạt chỉ tiêu)*

Hiện nay trên địa bàn huyện, tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt tỷ lệ 40%, trong đó: Xã Pờ Tó đạt 50,27%, xã Chư Răng đạt 17,29%, xã Kim Tân đạt 51,34%, xã Ia Mron đạt 10,36%, xã Ia Trôk đạt 32,09%, xã Ia Broãi đạt 41,36%, xã Ia Tul, đạt 62,24%, xã Chư Mố đạt 32,6%, xã Ia Kdăm đạt 45,25%.

- *Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ hộ gia đình cơ sở sản xuất – kinh doanh thực phẩm tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Hiện nay trên địa bàn huyện có 01/9 xã (Ia Tul) đạt chỉ tiêu.*

5. Nhận định về sự chuyển biến trong ý thức và sự tham gia của các tổ chức, người dân, cộng đồng; sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể... đối với công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

Xây dựng nông thôn mới nói chung và công tác bảo vệ môi trường nói riêng đã trở thành phong trào quần chúng sôi nổi. Cấp ủy, chính quyền cùng cả hệ thống chính

trị và đông đảo nhân dân trên địa bàn các xã đã chung tay, góp sức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; cộng đồng nhân dân thường xuyên ra quân làm vệ sinh môi trường như: Thu gom, xử lý chất thải, rác thải; khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh, mương, ao hồ, hệ thống thoát nước, trồng cây xanh, thành lập các tuyến đường tự quản do thanh niên và phụ nữ thôn quản lý, xây dựng các con đường hoa, ... từng hộ gia đình xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, xây dựng hầm Biogas, cải tạo chỉnh trang hàng rào cổng ngõ, chôn cất người chết theo đúng quy định, quy hoạch. Bộ mặt nông thôn đã có những thay đổi đáng kể, tường rào cổng ngõ được chỉnh trang, đặc biệt là cảnh quan được cải tạo xanh - sạch - đẹp, hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường...

IV. Đánh giá chung

1. Những nội dung đã làm được

Qua 10 năm thực hiện xây dựng nông thôn mới nói chung và thực hiện tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm nói riêng, tình hình thực hiện tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm có nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể đường làng, ngõ xóm không chỉ sạch mà còn đẹp, gọn gàng, có nhiều tuyến đường trở thành đường mẫu xanh - sạch - đẹp; công tác kiểm soát ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được quan tâm hơn; việc thu gom và xử lý chất thải dần đi vào nề nếp.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Quá trình triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường còn gặp nhiều khó khăn, UBND các xã chưa chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các chỉ tiêu trong tiêu chí số 17 về môi trường, cũng như phương án, kế hoạch thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016.

Thói quen, phong tục, tập quán nuôi gia súc, gia cầm thả rông và nhốt dưới gầm nhà sàn trong đồng bào dân tộc thiểu số có giảm nhưng tỷ lệ còn thấp so với yêu cầu đề ra; ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại rác thải tại nguồn của các hộ gia đình, cá nhân còn hạn chế; phần lớn chưa có thói quen tự giác đăng ký thu gom rác thải sinh hoạt tập trung theo phương án, kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh của Nhà máy nước và Dịch vụ công huyện. Do đó, rất khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về môi trường nói chung và thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nói riêng trên địa bàn các xã.

V. Nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thực hiện trong giai đoạn sau 2020

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục huy động nguồn lực thực hiện tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.

- Sửa chữa, nâng cấp, làm mới các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung để đảm bảo phục vụ tốt đời sống của người dân, đảm bảo đủ tỷ lệ theo quy định của tiêu chí.

- Tổ chức điều tra, đánh giá phân loại cơ sở sản xuất - kinh doanh, điểm, khu dân cư và các đoạn sông, suối về mức độ ô nhiễm, chọn địa điểm, vị trí xây

dựng điểm tập kết, trung chuyển rác thải sinh hoạt và khu xử lý rác tập trung tại trung tâm xã. Thực hiện khảo sát, chọn vị trí qui hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân phù hợp với qui hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện xây dựng bổ sung hoàn chỉnh công trình nhà vệ sinh trường học, chợ đối với những nơi còn thiếu chuẩn theo qui định. Tổ chức qui hoạch sắp xếp lại các làng nghề; đi đôi với hình thành các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để bảo đảm các điều kiện về xử lý môi trường.

- Rà soát hệ thống thoát nước tại các điểm, khu dân cư, chợ, cơ sở và phân loại. Đồng thời, thực hiện cải tạo đối với các đoạn cống rãnh, mương thoát nước bị ô nhiễm về rác thải, nước tù đọng được lồng ghép vào các công trình hoạt động thanh niên BVMT hàng năm như “Ngày Môi trường Thế giới 5/6”, “Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn” “Tháng môi trường”...Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động thu gom chất thải, nước thải trong khu dân cư, chợ, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định. Khuyến khích hiến đất để quy hoạch và xây dựng nghĩa trang phục vụ trong thôn, làng; cho nhiều địa phương khác nhau và các nghĩa trang có sử dụng hình thức mai táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm đất, kinh phí xây dựng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Tuyên truyền, vận động các hộ dân thực hiện phát quang bụi rậm khu vực ở và các tuyến đường nội thôn, chỉnh trang hàng rào cổng ngõ, không để cổng ngõ bị lầy lội nhằm góp phần tạo vẻ mỹ quan, vẻ đẹp mới cho bộ mặt nông thôn. Ngoài ra vận động, huy động nhân dân người đồng bào dân tộc thiểu số di chuyển chuồng trại ra xa nhà ở theo quy định để đảm bảo vệ sinh môi trường. Tổ chức trồng cây xanh ở khuôn viên công sở, trường học, các nhà văn hóa xã, thôn, đồng thời tổ chức trồng cây xanh ở một số tuyến thôn, trồng cây bóng mát, cây phân tán ở một số vườn rẫy, bờ lô gần sát khu dân cư để đảm bảo không khí trong lành.

2. Giải pháp cụ thể

- Ủy ban nhân dân các xã huy động mọi nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia như vệ sinh nước sạch môi trường, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo... các chương trình dự án khác để đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước, vệ sinh nhằm nâng cao tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

- Cấp ủy, chính quyền các xã phối hợp với các ban ngành đoàn thể, hệ thống chính trị tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân nâng cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức bảo vệ môi trường, làm đủ công trình vệ sinh, di dời chuồng trại ra khỏi nhà để có cảnh quan đẹp và hợp vệ sinh môi trường. Có kế hoạch thường xuyên tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh đường làng, ngõ xóm, làm mương thoát nước.

- Phòng Tài nguyên - MT có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện và thẩm định các tiêu chí 17.2,17.3,17.5,17.6, 17.7. Phòng NN & PTNT có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện và thẩm định các tiêu chí 17.1,17.8. Phòng Kinh tế- Hạ tầng hướng dẫn, theo dõi các xã xây dựng, quản

lý, sử dụng nghĩa trang tại chỉ tiêu 17.4 (Theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thuộc thẩm quyền của ngành xây dựng).

VI. Đề xuất, kiến nghị

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể lộ trình, quy trình thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo hướng thống nhất chung trên toàn tỉnh, trong đó chú trọng thiết kế mẫu bể chứa, dự trù kinh phí, đơn vị quản lý, đặt hàng đơn vị tư vấn vận chuyển, xử lý loại chất thải nguy hại này theo hướng lâu dài, bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn huyện Ia Pa. Ủy ban nhân dân huyện báo để Sở Tài nguyên - Môi trường biết, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên - Môi trường;
- LĐ UBND huyện;
- VP NTM huyện;
- Lưu VT,KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Hùng

Phụ lục 1: Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm xã nông thôn mới

TT	Nội dung	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đạt tiêu chí môi trường/ Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới			Ghi chú
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
A	Thông tin chung					
	Huyện Ia Pa	9	0	0	0	
B	Thông tin cụ thể					
I	Chỉ tiêu 17.1: tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia	Tổng số hộ	Số hộ dùng nước hợp vệ sinh/ tổng số hộ			
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
1	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh		32,12%	74,34%	84,9%	
2	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung		0%	0%	11,24%	
II	Chỉ tiêu 17.2: tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Tổng số cơ sở	Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường			
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
1	Số cơ sở có ĐTM hoặc đề án bảo vệ môi trường	0	0	0	0	
2	Số hộ cơ sở có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường	684	0	0	603	
3	Số hộ có biện pháp xử lý chất thải	684	0	0	603	
III	Chỉ tiêu 17.3: Xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp an toàn		Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
1	Tỷ lệ đường hoa, cây xanh trên địa bàn					
VI	Chỉ tiêu 17.4: Mai táng phù hợp với quy định và quy hoạch, theo quy định cụ thể của UBND tỉnh	Tổng số xã	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
1	Tỷ lệ xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang	9	0%	0%	0%	
2	Tỷ lệ xã có Quy chế quản lý nghĩa trang					



<i>V</i>	Chỉ tiêu 17.5: Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
1	Đối với quản lý chất thải rắn					
a	Tổng lượng phát sinh					
b	Tỷ lệ thu gom					
c	Tỷ lệ phân loại					
d	Biện pháp xử lý - Chôn lấp - Đốt - Hình thức khác		Chôn lấp, đốt	Chôn lấp, đốt	Chôn lấp, đốt	
<i>VI</i>	Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Tổng số hộ	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
1	Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh	12.433			3.644	
2	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh	12.433			3.644	
3	Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh	12.433			3.644	
<i>VII</i>	Chỉ tiêu 17.7: tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Tổng số hộ chăn nuôi (hộ gia đình trại)	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
1	Số hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh	6.462	0	0	2.121	
<i>VIII</i>	Chỉ tiêu 17.8: tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	
	Số hộ, cơ sở đảm bảo về ATTP	12.732	0	0	686	

